

Số: 44/2026/QĐST-VHNGĐ

Cao Bằng, ngày 19 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2-CAO BẰNG

- Căn cứ vào các Điều 212, 213, 149 và 397 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025;
- Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;
- Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 65/2026/TLST –VHNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- **Bé Thị N**, sinh năm 2000.

Số căn cước công dân: 00430000349x do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp ngày 03/02/2025.

Nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện tại: Xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng.

- **Nông Văn V**, sinh năm 1997.

Số căn cước công dân: 00409700586x do Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội Bộ C cấp ngày 24/06/2021.

Nơi đăng ký thường trú: Xóm X, xã T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi đăng ký tạm trú: Tổ dân phố Đ, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Chị Bé Thị N và anh Nông Văn V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 16 tháng 3 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện P (nay là UBND xã T), tỉnh Cao Bằng (Giấy đăng ký kết hôn số 03/2018).

Chị Bé Thị N và anh Nông Văn V chung sống hòa thuận, hạnh phúc từ khi kết hôn cho đến tháng 01 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không cùng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, dẫn

tới thường xuyên xảy ra cãi vã, không thể hòa hợp. Mặc dù đã được gia đình hai bên can thiệp hòa giải nhưng không thành. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 04 năm 2024 cho đến nay. Chị Bé Thị N và anh Nông Văn V đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không muốn về đoàn tụ và cùng yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu này của chị N và anh V là chính đáng, phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Chị Bé Thị N và anh Nông Văn V xác nhận có 01 con chung là Nông Quang H, sinh ngày 07/9/2017, giới tính: Nam. Khi ly hôn, chị N và anh V cùng thống nhất: Anh V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nông Quang H cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Việc thỏa thuận nuôi dưỡng, chăm sóc con chung của chị N và anh V là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N và anh V xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[4] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

[5] Về lệ phí: Chị Bé Thị N tự nguyện chịu toàn bộ 300.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Bé Thị N và anh Nông Văn V tự nguyện thuận tình ly hôn.

- *Về con chung*: Chị Bé Thị N và anh Nông Văn V xác nhận có 01 con chung là Nông Quang H, sinh ngày 07/9/2017, giới tính: Nam. Khi ly hôn, chị N và anh V cùng thống nhất: Anh V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung Nông Quang H cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N và anh V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi con mà không ai được cản trở. Khi xét thấy cần thiết, các bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Chị N và anh V xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- *Về nợ chung*: Các đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

2. Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Bé Thị N tự nguyện chịu toàn

bộ 300.000 đồng lệ phí, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 - Cao Bằng theo biên lai số 0000345 ngày 22/5/2026. Xác nhận chị N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Toà án tỉnh;
- VKS tỉnh;
- VKSNDKV2-CB;
- Phòng THADSKV2-CB;
- UBND xã Thạch An;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Hoàng Thị Thuý